

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 512/2023/DS-PT

Ngày: 15/9/2023

V/v tranh chấp: “Hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Võ Ngọc Giàu

Các Thẩm phán: Ông Mai Hoàng Khải

Ông Lê Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2023/TLPT-DS ngày 01 tháng 8 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2023/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 725/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần C

Trụ sở: Số N T M K, phường, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiên P – Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình L – Phó giám đốc phòng quản lý nợ.

Đại diện theo ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị Xuân A – Chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ: Số A – C M T T, phường, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

*** Bị đơn:**

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963

2. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1965

Địa chỉ: Tổ, ấp P H, xã P T, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Trung Q, sinh năm 1999

2. Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ, ấp P H, xã P T, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

* *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần C.

Chị và ông T có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm;

* *Nguyên đơn Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần C có đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Xuân A trình bày:* Ngân hàng TMCP C có ký với ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị T hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số: TIG.CN.1152.180820 ngày 19/8/2020 và khế ước nhận nợ số 01 số TK 316097369 ngày 19/8/2020

Số tiền cho vay: 700.000.000 đồng.

Mục đích vay vốn: tiêu dùng

Thời hạn vay: 120 tháng từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân

Lãi suất thời điểm giải ngân là 11,0%/năm. Lãi suất cho vay cố định trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày tiếp theo bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng LS13 cộng với biên độ 3,9%/năm.

Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Lãi chậm trả lãi trong hạn: 10%/năm.

Phương thức trả: Gốc lãi trả hàng tháng.

- Hợp đồng tín dụng số: TIG.CN.865.110521 ngày 12/5/2021 và khế ước nhận nợ số 01 số TK 335836759 ngày 12/5/2021.

Số tiền cho vay: 200.000.000 đồng.

Mục đích vay vốn: sửa chữa nhà

Thời hạn vay: 120 tháng từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân

Lãi suất thời điểm giải ngân là 10,5%/năm. Lãi suất cho vay cố định trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày tiếp theo bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng LS13 cộng với biên độ 3,9%/năm.

Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Lãi chậm trả lãi trong hạn: 10%/năm.

Phương thức trả: Gốc lãi trả hàng tháng.

- Ngày 04/9/2020, ông Nguyễn Văn T có đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng. Theo đó, ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng cho khách hàng với hạn mức là

100.000.000 đồng, loại thẻ Visa Signature, mục đích vay: tiêu dùng; lãi suất theo quy định của C trong từng thời kỳ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T và bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng. Tạm tính đến ngày 02/8/2022, ông T và bà T còn nợ C số tiền:

- Theo hợp đồng tín dụng số TIG.CN.1152.180820 ngày 19/8/2020 là 591.797.609 đồng trong đó nợ gốc là 577.486.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 10.813.143 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.413.938 đồng, lãi chậm trả lãi: 84.528 đồng.

- Theo hợp đồng tín dụng số TIG.CN.865.110521 ngày 12/5/2021 là 184.455.645 đồng trong đó nợ gốc là 179.996.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.369.744 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.063.562 đồng, lãi chậm trả lãi: 26.339 đồng.

- Theo Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng ngày 04/9/2020 là 120.140.013 đồng trong đó nợ gốc là 109.957.435 đồng, nợ lãi quá hạn là 10.182.578 đồng

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ, ông T và bà T, chị Nguyễn Thị Kim C, anh Nguyễn Trung Q đã thế chấp cho ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 448 tờ bản đồ số 02 địa chỉ xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang theo Hợp đồng thế chấp số TIG.BĐCN.132.180820 ngày 19/8/2020.

Nay Ngân hàng yêu cầu giải quyết:

1. Buộc ông T và bà T phải trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền nợ:

- Theo hợp đồng tín dụng số TIG.CN.1152.180820 ngày 19/8/2020 là 591.797.609 đồng trong đó nợ gốc là 577.486.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 10.813.143 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.413.938 đồng, lãi chậm trả lãi: 84.528 đồng.

- Theo hợp đồng tín dụng số TIG.CN.865.110521 ngày 12/5/2021 là 184.455.645 đồng trong đó nợ gốc là 179.996.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.369.744 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.063.562 đồng, lãi chậm trả lãi: 26.339 đồng.

- Theo Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng ngày 04/9/2020 là 120.140.013 đồng trong đó nợ gốc là 109.957.435 đồng, nợ lãi quá hạn là 10.182.578 đồng.

Và buộc ông T và bà T phải tiếp tục trả tiền lãi cho Ngân hàng theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên số nợ gốc thực tế cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp ông T và bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ

Chị Nguyễn Thị Kim C có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Giấy cam kết về việc trả nợ ký ngày 19/8/2020.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị T trình bày:*

Ông, bà thống nhất còn nợ ngân hàng số tiền nợ như trên và đồng ý trả nợ cho ngân hàng và ông, bà sẽ bán tài sản để trả nợ. Trường hợp không thực hiện đúng nghĩa vụ thì ngân hàng phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trung Q, chị Nguyễn Thị Kim C: Trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho*

đến khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Q và chị C đều vắng mặt không có lý do cũng không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2023/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang đã quyết định: Áp dụng Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 336 Bộ luật Dân sự. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần C. Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị T, chị Nguyễn Thị Kim C liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C số tiền:

1.1 Theo hợp đồng tín dụng số TIG.CN.1152.180820 ngày 19/8/2020:

- Nợ gốc là 577.586.000 đồng (Năm trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn đồng);

- Tiền lãi trong hạn là 10.813.143 đồng (Mười triệu tám trăm mười ba nghìn một trăm bốn mươi ba đồng);

- Tiền lãi quá hạn là 78.336.814 đồng (Bảy mươi tám triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm mười bốn đồng);

- Tiền lãi chậm trả lãi là 2.865.432 đồng (Hai triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn bốn trăm ba mươi hai đồng).

1.2 Theo hợp đồng tín dụng số TIG.CN.865.110521 ngày 12/5/2021:

- Nợ gốc là 179.996.000 đồng (Một trăm bảy mươi chín triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng);

- Tiền lãi trong hạn là 3.369.744 đồng (Ba triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm bốn mươi bốn đồng);

- Tiền lãi quá hạn là 24.416.193 đồng (Hai mươi bốn triệu bốn trăm mười sáu nghìn một trăm chín mươi ba đồng);

- Tiền lãi chậm trả lãi là 893.070 đồng (Tám trăm chín mươi ba nghìn không trăm bảy mươi đồng).

1.1 Theo hợp đồng phát hành thẻ tín dụng ngày 04/9/2020:

- Nợ gốc là 109.957.431 đồng (Một trăm lẻ chín triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm ba mươi một đồng);

- Tiền lãi quá hạn là 38.282.580 đồng (Ba mươi tám triệu hai trăm tám mươi hai nghìn năm trăm tám mươi đồng).

2. Kể từ ngày 17/5/2023 cho đến khi thi hành án xong, ông T, bà T, chị C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nêu trên.

Kể từ ngày 17/5/2023 cho đến khi thi hành án xong, ông T, bà T, chị C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (tiền lãi trên nợ gốc trong hạn) theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Trường hợp ông T, bà T, chị C không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là: Phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông T, bà T, chị C trong khối tài sản chung của hộ gia đình tại thửa 448 tờ bản đồ số 02 diện tích 1.600 m² đất ĐM + T tại ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S734389, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số 31257.QSĐĐ/311/QĐUBH do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 06/3/2001 cho hộ ông Nguyễn Văn T.

4. Sau khi xử lý tài sản thế chấp của ông T, bà T, chị C mà không đủ để trả nợ thì buộc anh Nguyễn Trung Q phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C số tiền nợ mà ông T, bà T, chị C không thể thanh toán theo nghĩa vụ bảo lãnh.

Trường hợp anh Q không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là: Phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của anh Q trong khối tài sản chung của hộ gia đình tại thửa 448 tờ bản đồ số 02 diện tích 1.600 m² đất ĐM + T tại ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S734389, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số 31257.QSĐĐ/311/QĐUBH do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 06/3/2001 cho hộ ông Nguyễn Văn T.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/6/2023, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần C kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi chậm trả từ ngày 17/5/2023 trở đi và chấp nhận yêu cầu phát mãi toàn bộ tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa số 448, tờ bản đồ số 02; địa chỉ: Xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang thuộc sở hữu, sử dụng chung của hộ ông Nguyễn Văn T.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ yêu cầu khởi kiện và kháng cáo, bị đơn đồng ý với yêu cầu nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định pháp luật về hợp đồng tín dụng, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là phù hợp. Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát và những quy định pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[I]- Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm. Đương sự thực hiện quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo theo qui định Tố tụng dân sự.

[II]- Nội dung vụ án: Ngân hàng Thương mại cổ phần C có ký kết 03 hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị T trong năm 2020 và 2021, trong quá trình thực hiện hợp đồng do ông T và bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu ông T và bà T phải trả tiền theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết, ông T và bà T thừa nhận và đồng ý theo yêu cầu của Ngân hàng. Án sơ thẩm xác định số tiền vốn do vi phạm nghĩa vụ không trả, cùng lãi suất trong hạn, lãi quá hạn và lãi phạt chậm trả buộc bị đơn có trách nhiệm giao trả cho nguyên đơn là phù hợp. Sau khi xét xử sơ thẩm các bên thống nhất, đồng ý với bản án sơ thẩm; tuy nhiên bản án sơ thẩm tuyên về phần nghĩa vụ chậm trả sau khi có quyết định của bản án sơ thẩm và xử lý tài sản thế chấp là không phù hợp; cụ thể là: ...Kể từ ngày 17/5/2023 (sau ngày bản án sơ thẩm tuyên án) ông T, bà T, chị C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (tiền lãi trên nợ gốc trong hạn) theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, và về xử lý phát mãi tài sản thế chấp là tuyên từng phần nếu không thực hiện nghĩa vụ trả tiền: ...Khi phân thế chấp của ông T, bà T, chị C không đủ đảm bảo số nợ thì mới xử tiếp buộc anh Trung Q có nghĩa vụ tiếp theo. Do đó, Ngân hàng kháng cáo, yêu cầu xem xét lại các phần này để đảm bảo quyền lợi của Ngân hàng.

Theo tài liệu, hồ sơ vụ án thì ông T, bà T ký kết 03 hợp đồng tín dụng vay tiền của Ngân hàng; ông T, bà T, chị C, anh Q ký kết tài sản thế chấp đảm bảo vay tiền là quyền sử dụng đất diện tích 1.600 m² (loại đất ĐM + T) thửa 448 tại ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 06/3/2001 cho hộ ông Nguyễn Văn T. Do chị C có giấy cam kết về việc trả nợ ký ngày 19/8/2020 nên buộc ông T, bà T, chị C liên đới trả nợ là phù hợp; về số tiền phải trả là từ số tiền gốc và các khoản lãi kèm theo tính đến thời gian vi phạm nghĩa vụ trả nợ và đến ngày xét xử sơ thẩm, ngoài ra các khoản tiền lãi phát sinh sau đó phải được tính theo các hợp đồng tín dụng mà các bên đã thỏa thuận ký kết, không tính lãi suất chậm trả theo Bộ luật dân sự. Đồng thời, khi không thực hiện nghĩa vụ thì xử lý tài sản là tài sản mà các bên đã ký kết thế chấp để vay tiền, theo đúng và đủ số tiền có nghĩa vụ trả, không xử lý phát mãi từng phần như bản án sơ thẩm đã quyết định là không đúng và không phù hợp theo Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, và hướng dẫn tại Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019.

[III]- Từ những phân tích đã nêu, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng Thương mại cổ phần C, sửa một phần bản án sơ thẩm. Quyết định các khoản lãi suất phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm là trên cơ sở các hợp đồng tín dụng đã ký kết, nếu không thực hiện nghĩa vụ thì phát mãi tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 1.600 m² để đảm bảo thu hồi nợ.

Ý kiến và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Ngân hàng Thương mại cổ phần C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[IV]- Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, trong phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 336 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91, 95, 98 Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán - Tòa án nhân dân Tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng Thương mại cổ phần C.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2023/DS-ST ngày 16/5/2023 của Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần C. Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị T, chị Nguyễn Thị Kim C liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C số tiền:

1.1 Theo hợp đồng tín dụng số TIG.CN.1152.180820 ngày 19/8/2020:

- Nợ gốc là 577.586.000 đồng (Năm trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn đồng);

- Tiền lãi trong hạn là 10.813.143 đồng (Mười triệu tám trăm mười ba nghìn một trăm bốn mươi ba đồng);

- Tiền lãi quá hạn là 78.336.814 đồng (Bảy mươi tám triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm mười bốn đồng);

- Tiền lãi chậm trả lãi là 2.865.432 đồng (Hai triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn bốn trăm ba mươi hai đồng).

1.2 Theo hợp đồng tín dụng số TIG.CN.865.110521 ngày 12/5/2021:

- Nợ gốc là 179.996.000 đồng (Một trăm bảy mươi chín triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng);

- Tiền lãi trong hạn là 3.369.744 đồng (Ba triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm bốn mươi bốn đồng);

- Tiền lãi quá hạn là 24.416.193 đồng (Hai mươi bốn triệu bốn trăm mười sáu nghìn một trăm chín mươi ba đồng);

- Tiền lãi chậm trả lãi là 893.070 đồng (Tám trăm chín mươi ba nghìn không trăm bảy mươi đồng).

1.1 Theo hợp đồng phát hành thẻ tín dụng ngày 04/9/2020:

- Nợ gốc là 109.957.431 đồng (Một trăm lẻ chín triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm ba mươi một đồng);

- Tiền lãi quá hạn là 38.282.580 đồng (Ba mươi tám triệu hai trăm tám mươi hai nghìn năm trăm tám mươi đồng).

2. Kể từ ngày 17/5/2023 ông T, bà T, chị C còn phải chịu các khoản tiền lãi theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết ngày 19/8/2020, ngày 12/5/2021 và Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng ngày 04/9/2020 cho đến khi thực hiện trả xong các khoản nợ.

3. Trường hợp ông T, bà T, chị C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần C có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 448 tờ bản đồ số 02 diện tích 1.600 m² đất ĐM + T tại ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S734389, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận số 31257.QSĐĐ/311/QĐUBH do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 06/3/2001 cho hộ ông Nguyễn Văn T để thu hồi nợ.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0023862 ngày 01/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

5. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố Mỹ Tho;
- Chi cục THADS thành phố Mỹ Tho;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Ngọc Giàu

